

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 69/2014/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2014

NGHỊ ĐỊNH

VỀ TẬP ĐOÀN KINH TẾ NHÀ NƯỚC VÀ TỔNG CÔNG TY NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Chính phủ ban hành Nghị định về tập đoàn kinh tế nhà nước và tổng công ty nhà nước.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về:

1. Thành lập, tổ chức lại, chấm dứt hoạt động dưới hình thức tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước (sau đây gọi tắt là tập đoàn kinh tế, tổng công ty).
2. Tổ chức, hoạt động, quản lý, điều hành trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty.
3. Quản lý, giám sát của chủ sở hữu nhà nước đối với tập đoàn kinh tế, tổng công ty.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Nghị định bao gồm:

1. Tập đoàn kinh tế, tổng công ty có công ty mẹ được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu hoặc công ty mẹ là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.
2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập, tổ chức lại, chấm dứt hoạt động dưới hình thức tập đoàn kinh tế, tổng công ty và thực hiện quản lý, giám sát của chủ sở hữu nhà nước đối với tập đoàn kinh tế, tổng công ty.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Ngành nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp” là ngành nghề được xác lập từ mục đích đầu tư thành lập và chiến lược phát triển doanh nghiệp, do chủ sở hữu quy định và giao cho doanh nghiệp thực hiện khi thành lập và trong suốt quá trình hoạt động của doanh nghiệp.

2. “Ngành nghề kinh doanh có liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp” (sau đây gọi tắt là ngành nghề có liên quan) là ngành nghề phụ trợ hoặc phái sinh từ ngành nghề kinh doanh chính, trên cơ sở điều kiện và lợi thế của ngành nghề kinh doanh chính hoặc sử dụng lợi thế, ưu thế của ngành nghề kinh doanh chính và phục vụ trực tiếp cho ngành nghề kinh doanh chính.

3. “Ngành nghề kinh doanh không liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp” (sau đây gọi tắt là ngành nghề không liên quan) là ngành nghề không phái sinh hoặc không phát triển từ ngành nghề kinh doanh chính, ngành nghề có liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính.

4. “Đối tượng có liên quan của công ty mẹ” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với công ty mẹ theo quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

5. “Quyền chi phối” của một doanh nghiệp đối với một doanh nghiệp khác bao gồm ít nhất một trong các quyền sau đây:

- a) Quyền sở hữu duy nhất của doanh nghiệp;
- b) Quyền của cổ đông, thành viên góp vốn chi phối của doanh nghiệp;
- c) Quyền trực tiếp hay gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp;
- d) Quyền trực tiếp hay gián tiếp quyết định việc phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp;
- đ) Quyền trực tiếp hay gián tiếp quyết định chiến lược, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp;
- e) Các trường hợp chi phối khác theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp chi phối và doanh nghiệp bị chi phối và được ghi vào Điều lệ của doanh nghiệp bị chi phối.

6. “Doanh nghiệp thành viên tập đoàn kinh tế, tổng công ty” (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp thành viên) là các doanh nghiệp do công ty mẹ, doanh nghiệp cấp II trực tiếp nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc quyền chi phối đối với doanh nghiệp bị chi phối.

Điều 4. Tập đoàn kinh tế, tổng công ty

1. Tập đoàn kinh tế là nhóm công ty, gồm công ty mẹ, các doanh nghiệp thành viên và công ty liên kết; đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 9 Nghị định này.

2. Tổng công ty là nhóm công ty, gồm công ty mẹ, các doanh nghiệp thành viên và công ty liên kết; đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 4 Điều 9 Nghị định này.

3. Tập đoàn kinh tế, tổng công ty có không quá ba cấp doanh nghiệp và cơ cấu như sau:

a) Công ty mẹ (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp cấp I) là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc giữ quyền chi phối. Công ty mẹ được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu hoặc công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước; giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo, chi phối các doanh nghiệp thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty;

b) Công ty con của doanh nghiệp cấp I (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp cấp II) là doanh nghiệp do công ty mẹ nắm quyền chi phối. Doanh nghiệp cấp II được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trong trường hợp công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong trường hợp công ty mẹ nắm quyền chi phối;

c) Công ty con của doanh nghiệp cấp II (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp cấp III) là doanh nghiệp do doanh nghiệp cấp II nắm quyền chi phối. Doanh nghiệp cấp III được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trong trường hợp doanh nghiệp cấp II nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong trường hợp doanh nghiệp cấp II nắm quyền chi phối;

d) Công ty liên kết là công ty có cổ phần, vốn góp dưới mức chi phối của công ty mẹ và công ty con; công ty không có vốn góp của công ty mẹ và công ty con, tự nguyện tham gia liên kết dưới hình thức hợp đồng liên kết và có mối quan hệ gắn bó lâu dài về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường, các dịch vụ khác với công ty mẹ hoặc công ty con trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty. Công ty liên kết được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần.

4. Công ty mẹ và các doanh nghiệp thành viên có tư cách pháp nhân; có vốn và tài sản riêng; có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của mình theo quy định của pháp luật và theo thỏa thuận chung của tập đoàn kinh tế, tổng công ty. Nhà nước là chủ sở hữu vốn nhà nước trực tiếp đầu tư tại công ty mẹ. Công ty mẹ là chủ sở hữu vốn do công ty mẹ đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết.

Điều 5. Tên và đăng ký kinh doanh

1. Tập đoàn kinh tế, tổng công ty có tên, thương hiệu riêng. Người quyết định thành lập tập đoàn kinh tế, tổng công ty quyết định tên của tập đoàn kinh tế, tổng công ty và tên của công ty mẹ thành lập theo Nghị định này.

2. Công ty mẹ và các doanh nghiệp thành viên đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật. Việc đặt tên của doanh nghiệp thành viên tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Tập đoàn kinh tế, tổng công ty không có tư cách pháp nhân và không phải đăng ký kinh doanh nhưng phải thông báo việc thành lập, tổ chức lại, thay đổi số lượng doanh nghiệp thành viên, tỷ lệ vốn tại các doanh nghiệp thành viên, chấm dứt hoạt động dưới hình thức tập đoàn kinh tế, tổng công ty cho cơ quan đăng ký kinh doanh; việc tập trung kinh tế theo quy định tại Mục 3 và 4 Chương II Luật Cạnh tranh cho Cơ quan quản lý cạnh tranh.

Trình tự, thủ tục thông báo việc thành lập, tổ chức lại, thay đổi số lượng doanh nghiệp thành viên, tỷ lệ vốn tại các doanh nghiệp thành viên, chấm dứt hoạt động dưới hình thức tập đoàn kinh tế, tổng công ty thực hiện theo hướng dẫn của Bộ kế hoạch và Đầu tư.

Điều 6. Tổ chức Đảng và tổ chức chính trị - xã hội trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong tập đoàn, kinh tế, tổng công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội đó, phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Tập đoàn kinh tế, tổng công ty tạo điều kiện và hỗ trợ để tổ chức Đảng, tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của các tổ chức đó.

Điều 7. Áp dụng pháp luật có liên quan và điều ước quốc tế

1. Việc thành lập, tổ chức, hoạt động, quản lý và giám sát tập đoàn kinh tế, tổng công ty áp dụng theo quy định của Nghị định này, Luật Doanh nghiệp, Luật Cạnh tranh và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Trường hợp có sự khác nhau giữa Nghị định này và pháp luật chuyên ngành thì áp dụng theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế.

Chương II

THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG DƯỚI HÌNH THỨC TẬP ĐOÀN KINH TẾ, TỔNG CÔNG TY

Điều 8. Thành lập tập đoàn kinh tế, tổng công ty

1. Tập đoàn kinh tế, tổng công ty được thành lập trên cơ sở tổng công ty nhà nước hoặc nhóm công ty đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 9 của Nghị định này.

2. Tập đoàn kinh tế, tổng công ty thành lập theo các hình thức sau:

- a) Sáp nhập hoặc hợp nhất doanh nghiệp;
- b) Mua lại cổ phần hoặc phần vốn góp;
- c) Đầu tư, góp vốn bằng tài sản hữu hình hoặc vô hình;
- d) Các hình thức liên kết khác do các doanh nghiệp tự thỏa thuận, không trái các quy định pháp luật.

Điều 9. Điều kiện thành lập tập đoàn kinh tế, tổng công ty

1. Chính phủ chỉ xem xét lựa chọn tổng công ty làm nòng cốt hình thành tập đoàn kinh tế khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện tại Khoản 2 Điều này và thành lập mới các tập đoàn kinh tế, tổng công ty khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này.

2. Tổng công ty nhà nước được lựa chọn làm nòng cốt hình thành tập đoàn kinh tế phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- a) Kinh doanh có lãi trong ba (03) năm liên tiếp liền kề trước năm được lựa chọn;
- b) Tình hình tài chính được chủ sở hữu đánh giá ở mức độ bảo đảm an toàn;
- c) Trình độ nguồn nhân lực và năng suất lao động cao hơn mức trung bình của các doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng ngành, lĩnh vực hoạt động;
- d) Trình độ trang thiết bị, công nghệ ở mức tiên tiến; quản lý hiện đại;
- e) Quản lý có hiệu quả cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác;
- e) Hoạt động trong phạm vi toàn quốc và ở nước ngoài.

3. Tập đoàn kinh tế dự kiến được thành lập phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có ngành, lĩnh vực kinh doanh chính thuộc ngành, lĩnh vực sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ đặc biệt quan trọng trong bảo đảm an ninh quốc gia về kinh tế; tạo nền tảng về hạ tầng kinh tế quốc gia; tạo động lực nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp và toàn bộ nền kinh tế. Thủ tướng Chính phủ quy định các ngành, lĩnh vực kinh doanh được xem xét thành lập tập đoàn kinh tế trong từng thời kỳ;

b) Công ty mẹ trong tập đoàn kinh tế phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Vốn điều lệ của công ty mẹ không thấp hơn 10.000 tỷ đồng. Trường hợp công ty mẹ được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thì phần vốn nhà nước phải chiếm tối thiểu 75% vốn điều lệ của công ty mẹ. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với trường hợp mức vốn điều lệ hoặc tỷ lệ vốn nhà nước trên vốn điều lệ của công ty mẹ thấp hơn mức quy định này.

- Có nguồn nhân lực đủ trình độ, kinh nghiệm và khả năng kinh doanh ngành nghề chính và các ngành nghề có liên quan; quản lý vốn đầu tư và quản trị điều hành, phối hợp hoạt động các công ty con, công ty liên kết.

- Có khả năng sử dụng bí quyết công nghệ, thương hiệu, thị trường để chi phối các công ty con và tiến hành liên kết với các công ty liên kết khác.

- Có nguồn lực tài chính hoặc có phương án khả thi để huy động nguồn lực tài chính, bảo đảm đầu tư đủ vốn vào các công ty con và các công ty liên kết.

c) Tập đoàn kinh tế phải có tối thiểu 50% số công ty con hoạt động trong những khâu, công đoạn then chốt trong ngành, lĩnh vực kinh doanh chính và tổng giá trị cổ phần, phần vốn góp của công ty mẹ tại các công ty con này tối thiểu bằng 60% tổng nguồn vốn đầu tư của công ty mẹ tại các công ty con, công ty liên kết.

Công ty con do công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ phải là những công ty được thành lập để phát triển, nắm giữ các bí quyết công nghệ phục vụ trực tiếp việc thực hiện các nhiệm vụ, ngành nghề kinh doanh chính của công ty mẹ.

4. Tổng công ty dự kiến thành lập mới phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có ngành, lĩnh vực kinh doanh chính thuộc một trong những ngành, lĩnh vực sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ quan trọng tạo nền tảng cho phát triển ngành hoặc vùng lãnh thổ; tạo động lực nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp và ngành hoặc vùng lãnh thổ. Thủ tướng Chính phủ quy định những ngành, lĩnh vực kinh doanh được xem xét thành lập tổng công ty trong từng thời kỳ;

b) Công ty mẹ trong tổng công ty phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Vốn điều lệ của công ty mẹ không thấp hơn 1.800 tỷ đồng. Đối với công ty mẹ được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thì phần vốn nhà nước phải chiếm ít nhất 65% vốn điều lệ của công ty mẹ. Thủ tướng Chính phủ xem xét,

quyết định đối với trường hợp mức vốn điều lệ hoặc tỷ lệ vốn nhà nước trên vốn điều lệ của công ty mẹ thấp hơn mức quy định này.

- Có nguồn nhân lực đủ trình độ, kinh nghiệm và khả năng kinh doanh ngành nghề chính và các ngành nghề có liên quan; quản lý vốn đầu tư và quản trị điều hành, phối hợp hoạt động các công ty con, công ty liên kết.

- Có nguồn lực tài chính hoặc có phương án khả thi để huy động nguồn lực tài chính, bảo đảm đầu tư đủ vốn vào các công ty con và các công ty liên kết.

c) Tổng công ty phải có tối thiểu 50% số công ty con hoạt động trong những khâu, công đoạn then chốt trong ngành, lĩnh vực kinh doanh chính và tổng giá trị cổ phần, phần vốn góp của công ty mẹ tại các công ty con này tối thiểu bằng 60% tổng nguồn vốn đầu tư của công ty mẹ tại các công ty con, công ty liên kết.

Công ty con do công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ phải là những công ty được thành lập để phát triển, nắm giữ các bí quyết công nghệ phục vụ trực tiếp việc thực hiện các nhiệm vụ, ngành nghề kinh doanh chính của công ty mẹ.

Điều 10. Trình tự, thủ tục thành lập tập đoàn kinh tế, tổng công ty

1. Căn cứ điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định này, Thủ tướng Chính phủ quyết định các công ty mẹ trong tổng công ty, nhóm công ty được phép xây dựng Đề án thành lập tập đoàn kinh tế, tổng công ty trong từng thời kỳ trên cơ sở đề nghị của Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Hội đồng thành viên hoặc người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền cổ đông, thành viên nhà nước (sau đây gọi tắt là người đại diện theo ủy quyền) tại công ty mẹ trong tổng công ty, nhóm công ty có trách nhiệm xây dựng Đề án thành lập tập đoàn kinh tế, tổng công ty trình Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cho ý kiến để hoàn chỉnh Dự thảo Đề án.

3. Hồ sơ thành lập tập đoàn kinh tế, tổng công ty gồm:

a) Tờ trình Đề án;

b) Đề án thành lập tập đoàn kinh tế, tổng công ty.

Đề án gồm các nội dung cơ bản sau: Sự cần thiết, mục đích thành lập tập đoàn kinh tế, tổng công ty; thực trạng tổ chức quản lý và hoạt động của tổng công ty, nhóm công ty; phương thức hình thành và cơ cấu tập đoàn kinh tế, tổng công ty; phương thức xây dựng, duy trì và phát triển các hình thức liên kết giữa công ty mẹ với các doanh nghiệp thành viên và giữa các doanh nghiệp thành viên; phương thức thành lập công ty mẹ, bao gồm cả phương án cổ phần hóa công ty mẹ đối với trường hợp hình thành tập đoàn kinh tế đồng thời với cổ phần hóa công ty mẹ; hình thức pháp lý, tên, cơ cấu tổ chức và quản lý của công ty mẹ; tên, hình thức pháp lý, cơ cấu tổ chức của các doanh nghiệp thành viên; ngành nghề kinh doanh chính và ngành nghề có liên

quan; cơ cấu đầu tư vào các ngành nghề trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty; phương án sử dụng, phát triển nguồn nhân lực lãnh đạo quản lý tại công ty mẹ; nguồn nhân lực thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu công ty mẹ tại các doanh nghiệp thành viên; phương án hoạt động kinh doanh của tập đoàn kinh tế, tổng công ty; phân tích các chỉ tiêu hiệu quả của việc thành lập tập đoàn kinh tế, tổng công ty so với trước khi thành lập; đánh giá tác động kinh tế - xã hội và sự phù hợp của việc thành lập tập đoàn kinh tế, tổng công ty với quy hoạch, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực, vùng lãnh thổ; báo cáo thực hiện các thủ tục về tập trung kinh tế theo quy định của pháp luật cạnh tranh; tổ chức, hoạt động, quản lý, điều hành trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty; hệ thống thông tin và cơ chế bảo đảm thông tin thông suốt trong toàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty; lộ trình và kế hoạch thực hiện Đề án.

c) Dự thảo Điều lệ công ty mẹ.

4. Thẩm định Đề án:

a) Đối với việc thành lập tập đoàn kinh tế:

- Bộ quản lý ngành lập ít nhất tám (08) bộ hồ sơ gốc đề nghị thành lập tập đoàn kinh tế gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì lấy ý kiến các Bộ: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi công ty mẹ đặt trụ sở chính và ít nhất ba (03) chuyên gia kinh tế độc lập.

Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Hồ sơ đề nghị thành lập tập đoàn kinh tế, các cơ quan và cá nhân liên quan có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình.

- Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của các cơ quan liên quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ Hồ sơ và báo cáo thẩm định Hồ sơ đề nghị thành lập tập đoàn kinh tế để Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

b) Đối với việc thành lập tổng công ty:

- Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập năm (05) bộ Hồ sơ gốc đề nghị thành lập tổng công ty và chủ trì lấy ý kiến các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Bộ quản lý ngành (đối với tổng công ty thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi công ty mẹ đặt trụ sở chính (đối với tổng công ty thuộc Bộ quản lý ngành).

- Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Hồ sơ đề nghị thành lập tổng công ty, các cơ quan liên quan có văn bản gửi Bộ quản lý ngành (đối với tổng công ty thuộc Bộ quản lý ngành), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tổng công ty thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) để tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình.

- Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của các cơ quan liên quan, Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập báo cáo thẩm định, giải trình việc tiếp thu ý kiến của các cơ quan liên quan, hoàn thiện Hồ sơ và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

5. Phê duyệt Đề án:

Căn cứ vào các điều kiện quy định tại Nghị định này và báo cáo thẩm định, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: Đề án thành lập tập đoàn kinh tế; chủ trương thành lập tổng công ty thuộc Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

6. Triển khai thực hiện Đề án thành lập tập đoàn kinh tế, tổng công ty:

a) Đối với tập đoàn kinh tế:

- Trường hợp thành lập tập đoàn kinh tế có công ty mẹ hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu: Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập công ty mẹ; bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty mẹ theo đề nghị của Bộ quản lý ngành sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ. Bộ trưởng Bộ quản lý ngành quyết định bổ nhiệm thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên chuyên ngành công ty mẹ. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định bổ nhiệm Kiểm soát viên tài chính công ty mẹ.

- Trường hợp thành lập tập đoàn kinh tế có công ty mẹ hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và trường hợp vừa thành lập tập đoàn kinh tế vừa chuyển đổi công ty mẹ thành công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước: Bộ trưởng Bộ quản lý ngành chỉ định người đại diện theo ủy quyền tại công ty mẹ; quyết định cử người tham gia ứng cử Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên công ty mẹ.

- Hội đồng thành viên hoặc người đại diện theo ủy quyền và người được cử tham gia Hội đồng quản trị công ty mẹ có trách nhiệm thực hiện quyền chi phối để định hướng Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên và Hội đồng quản trị công ty mẹ tiếp tục triển khai thực hiện Đề án; phát triển các hình thức liên kết trong nhóm công ty mẹ - công ty con, giữa các doanh nghiệp thành viên trong quá trình triển khai thực hiện Đề án và hoạt động của tập đoàn kinh tế. Hội đồng thành viên hoặc người đại diện theo ủy quyền tại công ty mẹ phải báo cáo chủ sở hữu tình hình triển khai thực hiện Đề án, những khó khăn, vướng mắc phát sinh và phối hợp với các cơ quan có liên quan để triển khai thực hiện.

b) Đối với tổng công ty:

- Trường hợp thành lập tổng công ty có công ty mẹ hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu: Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập công ty mẹ; bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên công ty mẹ.

- Trường hợp thành lập tổng công ty có công ty mẹ hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và trường hợp vừa thành lập tổng công ty vừa chuyển đổi công ty mẹ thành công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước: Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định người đại diện theo ủy quyền tại công ty mẹ; quyết định cử người tham gia ứng cử Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên công ty mẹ.

- Hội đồng thành viên hoặc người đại diện theo ủy quyền và người được cử tham gia Hội đồng quản trị công ty mẹ chịu trách nhiệm thực hiện quyền chỉ phối để định hướng Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên và Hội đồng quản trị công ty mẹ tiếp tục triển khai thực hiện Đề án; phát triển các hình thức liên kết trong nhóm công ty mẹ - công ty con, giữa các doanh nghiệp thành viên trong quá trình triển khai thực hiện Đề án và hoạt động của tổng công ty. Hội đồng thành viên hoặc người đại diện theo ủy quyền phải báo cáo chủ sở hữu tình hình triển khai thực hiện Đề án, những khó khăn, vướng mắc phát sinh và phối hợp với các cơ quan có liên quan để triển khai thực hiện.

7. Đối với trường hợp tổng công ty, nhóm công ty tự phát triển đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định này, trình tự, thủ tục thành lập tập đoàn kinh tế, tổng công ty được thực hiện như sau:

a) Đối với tổng công ty tự phát triển đáp ứng đầy đủ điều kiện thành lập tập đoàn kinh tế:

- Hội đồng thành viên hoặc người đại diện theo ủy quyền tại công ty mẹ xây dựng Báo cáo đề nghị thành lập tập đoàn kinh tế và gửi Bộ quản lý ngành.

- Bộ quản lý ngành lập báo cáo đề nghị thành lập tập đoàn kinh tế gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì lấy ý kiến các Bộ: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi công ty mẹ đặt trụ sở chính. Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ báo cáo tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan để Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

b) Đối với các nhóm công ty tự phát triển đáp ứng đầy đủ điều kiện thành lập tổng công ty:

- Hội đồng thành viên hoặc người đại diện theo ủy quyền tại công ty mẹ xây dựng Báo cáo đề nghị thành lập tổng công ty và gửi Bộ quản lý ngành hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bộ quản lý ngành hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập Báo cáo đề nghị thành lập tổng công ty và lấy ý kiến các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Bộ quản lý ngành (đối với tổng công ty thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi công ty mẹ đặt trụ sở chính (đối với tổng công ty thuộc Bộ quản lý ngành). Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập báo cáo tổng hợp ý kiến của các cơ quan có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 11. Tổ chức lại tập đoàn kinh tế, tổng công ty

1. Tập đoàn kinh tế, tổng công ty được tổ chức lại theo các hình thức sau:

- a) Hợp nhất công ty mẹ với một hoặc một số công ty khác cùng loại nhưng vẫn do Nhà nước làm chủ sở hữu hoặc giữ cổ phần, vốn góp chi phối;
- b) Sáp nhập công ty mẹ với một hoặc một số công ty khác cùng loại nhưng vẫn do Nhà nước làm chủ sở hữu hoặc giữ cổ phần, vốn góp chi phối;
- c) Chia công ty mẹ thành một số công ty cùng loại và Nhà nước vẫn làm chủ sở hữu hoặc giữ cổ phần, vốn góp chi phối;
- d) Tách công ty mẹ thành một số công ty cùng loại và Nhà nước vẫn làm chủ sở hữu hoặc giữ cổ phần, vốn góp chi phối;
- đ) Chuyển đổi công ty mẹ đang hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần nhưng vẫn do Nhà nước giữ quyền chi phối;
- e) Tăng, giảm số doanh nghiệp cấp II, cấp III.

2. Điều kiện tổ chức lại:

Tập đoàn kinh tế, tổng công ty được tổ chức lại khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- a) Phù hợp với Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trường hợp việc tổ chức lại tập đoàn kinh tế, tổng công ty chưa được quy định tại Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thì Bộ quản lý ngành (đối với tập đoàn kinh tế, tổng công ty quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 99/2012/NĐ-CP) và tổng công ty thuộc Bộ), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tổng công ty thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) phải trình Thủ tướng Chính phủ quyết định;
- b) Tập đoàn kinh tế, tổng công ty sau tổ chức lại vẫn phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định này.

3. Trình tự, thủ tục tổ chức lại tập đoàn kinh tế, tổng công ty:

- a) Việc tổ chức lại tập đoàn kinh tế, tổng công ty theo hình thức hợp nhất, sáp nhập, chia, tách công ty mẹ thực hiện theo quy định pháp luật về tổ chức lại công ty và Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;
- b) Việc tổ chức lại tập đoàn kinh tế, tổng công ty theo hình thức tăng, giảm số doanh nghiệp cấp II, cấp III thực hiện theo Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 12. Chấm dứt hoạt động dưới hình thức tập đoàn kinh tế, tổng công ty

1. Tập đoàn kinh tế, tổng công ty phải chấm dứt hoạt động dưới hình thức tập đoàn kinh tế, tổng công ty trong các trường hợp sau:

- a) Công ty mẹ bị giải thể, phá sản;
- b) Tập đoàn kinh tế, tổng công ty không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định này;
- c) Công ty mẹ bị sáp nhập, hợp nhất với doanh nghiệp khác mà Nhà nước không giữ cổ phần, vốn góp chi phối;
- d) Trường hợp khác theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Trình tự, thủ tục:

a) Trường hợp công ty mẹ bị giải thể, phá sản thực hiện theo quy định pháp luật về giải thể, phá sản. Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý nợ; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chế độ, chính sách đối với người lao động khi giải thể công ty mẹ trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty;

b) Trường hợp tập đoàn kinh tế, tổng công ty không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định này thực hiện theo Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Định kỳ hàng năm, Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc rà soát và đề nghị:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chấm dứt hoạt động dưới hình thức tập đoàn kinh tế đối với những trường hợp tập đoàn kinh tế không đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định này.

- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương chấm dứt hoạt động dưới hình thức tổng công ty đối với những tổng công ty không đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định này.

Chương III

QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH TRONG TẬP ĐOÀN KINH TẾ, TỔNG CÔNG TY

Mục 1: QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CỦA TẬP ĐOÀN KINH TẾ, TỔNG CÔNG TY

Điều 13. Nguyên tắc quản lý, điều hành tập đoàn kinh tế, tổng công ty

Quản lý, điều hành tập đoàn kinh tế, tổng công ty thực hiện theo một hoặc một số phương thức sau đây:

1. Quản lý, điều hành thông qua công ty mẹ.
2. Quản lý, điều hành thông qua các hình thức đầu tư, liên kết; thỏa thuận, hợp tác sử dụng dịch vụ chung trong toàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty; thực hiện các quy chế, tiêu chuẩn, định mức chung trong toàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty không trái với quy định pháp luật; sử dụng sản phẩm, dịch vụ của nhau theo nguyên tắc thị trường.
3. Phương thức khác theo quy định của pháp luật và phù hợp với Điều lệ của các doanh nghiệp thành viên.

Điều 14. Quản lý, điều hành tập đoàn kinh tế, tổng công ty thông qua công ty mẹ

1. Công ty mẹ đại diện cho tập đoàn kinh tế, tổng công ty thực hiện các hoạt động chung của tập đoàn kinh tế, tổng công ty trong quan hệ với bên thứ ba ở trong và ngoài nước hoặc các hoạt động khác theo thỏa thuận với doanh nghiệp thành viên và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Công ty mẹ sử dụng quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên tại doanh nghiệp thành viên để phối hợp, định hướng các hoạt động sau của tập đoàn kinh tế, tổng công ty;

a) Sử dụng bộ máy quản lý, điều hành tại công ty mẹ hoặc thành lập bộ phận riêng để nghiên cứu, hoạch định chiến lược, đề xuất giải pháp phối hợp, định hướng các hoạt động quy định tại Khoản 3 Điều này để trình Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị công ty mẹ thông qua; thông qua người đại diện theo ủy quyền tại các công ty con, công ty liên kết thực hiện các nội dung phối hợp, định hướng quy định tại Khoản 3 Điều này;

b) Thông qua việc thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng liên kết cùng các công ty con, công ty liên kết để phối hợp, định hướng hoạt động của tập đoàn kinh tế, tổng công ty;

c) Xây dựng các quy chế thống nhất trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty.

3. Nội dung phối hợp, định hướng của công ty mẹ bao gồm:

a) Xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch phối hợp kinh doanh chung của tập đoàn kinh tế, tổng công ty; định hướng chiến lược kinh doanh của các công ty con theo

chiến lược phát triển, kế hoạch phối hợp kinh doanh chung của tập đoàn kinh tế, tổng công ty; xây dựng và tổ chức thực hiện các quy chế quản lý, điều hành và tiêu chuẩn, định mức áp dụng thống nhất trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty;

b) Phân loại doanh nghiệp thành viên theo vị trí và tầm quan trọng trong chiến lược phát triển chung của tập đoàn kinh tế, tổng công ty; xác định danh mục ngành nghề kinh doanh chính, danh mục doanh nghiệp thành viên chủ chốt; định hướng doanh nghiệp thành viên theo ngành nghề kinh doanh chính; quản lý và định hướng người đại diện theo ủy quyền bảo đảm quyền chi phối của công ty mẹ tại các doanh nghiệp thành viên chủ chốt;

c) Định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh trung hạn, dài hạn của các doanh nghiệp thành viên;

d) Định hướng về mục tiêu hoạt động, đầu tư, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh; phân công, chuyên môn hóa, hợp tác hóa; tiếp cận, mở rộng và chia sẻ thị trường, xuất khẩu, sử dụng thương hiệu, dịch vụ thông tin, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, đào tạo và các hoạt động khác của doanh nghiệp thành viên theo chính sách chung của tập đoàn kinh tế, tổng công ty;

đ) Xây dựng và thực hiện quy chế quản lý thương hiệu tập đoàn kinh tế, tổng công ty; định hướng về thành tố chung trong tên gọi riêng của các công ty con, công ty liên kết;

e) Định hướng về tổ chức, cán bộ đối với các công ty con;

g) Định hướng nội dung Điều lệ, kiểm soát cơ cấu vốn điều lệ của công ty con;

h) Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia quản lý, điều hành ở công ty con. Ban hành và thực hiện quy chế cử, thay thế, giám sát, đánh giá hoạt động của người đại diện theo ủy quyền; quy định những vấn đề phải được công ty mẹ thông qua trước khi người đại diện theo ủy quyền quyết định hoặc tham gia quyết định tại các công ty con, công ty liên kết;

i) Làm đầu mối tập hợp các nguồn lực của doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết để thực hiện đấu thầu và triển khai thực hiện các dự án chung do các công ty con, công ty liên kết cùng thỏa thuận và thực hiện;

k) Thực hiện và cung cấp dịch vụ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, tiếp thị, xúc tiến thương mại và các dịch vụ khác cho công ty con, công ty liên kết;

l) Phối hợp hình thành, quản lý và sử dụng có hiệu quả các quỹ chung; giám sát tài chính và kiểm soát rủi ro; hỗ trợ hoạt động tài chính (thu xếp vốn, hỗ trợ vốn và các hình thức khác) cho doanh nghiệp thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty khi được doanh nghiệp đề nghị;

m) Phối hợp thực hiện công việc hành chính, giao dịch với các đối tác cho doanh nghiệp thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty khi được doanh nghiệp này đề nghị; thực hiện nhiệm vụ công ích và công việc do Nhà nước giao hoặc đặt hàng cho tập đoàn kinh tế, tổng công ty;

n) Thiết lập, kết nối mạng lưới thông tin toàn bộ công ty con, công ty liên kết trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty;

o) Xây dựng báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ và công ty con;

p) Tham vấn công ty con, công ty liên kết trong thực hiện các hoạt động chung;

q) Tổ chức việc thực hiện giám sát định hướng, điều hòa, phối hợp giữa các bộ phận trong công ty mẹ;

r) Các hoạt động khác phù hợp với đặc điểm của từng tập đoàn kinh tế, tổng công ty, quy định pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty mẹ và Điều lệ công ty con, công ty liên kết trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty.

4. Công ty mẹ và công ty con, công ty liên kết có quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định pháp luật; tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động sản xuất kinh doanh của mình; chịu sự ràng buộc về quyền, nghĩa vụ theo hợp đồng liên kết, thỏa thuận giữa các doanh nghiệp.

5. Việc phối hợp, định hướng trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty phải phù hợp với quy định của pháp luật; Điều lệ công ty con, công ty liên kết; quyền của chủ sở hữu tại công ty mẹ hoặc thỏa thuận giữa công ty mẹ với các công ty con, công ty liên kết; vị trí của công ty mẹ đối với từng hoạt động phối hợp với công ty con, công ty liên kết.

Trường hợp công ty mẹ lạm dụng vị thế của mình, can thiệp ngoài thẩm quyền của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông hoặc trái với các liên kết và thỏa thuận giữa các doanh nghiệp thành viên tập đoàn kinh tế, tổng công ty, làm tổn hại đến lợi ích của doanh nghiệp thành viên, các bên có liên quan, thì công ty mẹ và những người có liên quan phải chịu trách nhiệm theo quy định tại các Khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 147 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 15. Trách nhiệm của công ty mẹ trong quản lý, điều hành tập đoàn kinh tế, tổng công ty

1. Chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu về bảo đảm mục tiêu kinh doanh ngành nghề chính và các mục tiêu khác do chủ sở hữu quy định. Chịu sự giám sát của chủ sở hữu về danh mục đầu tư, dự án đầu tư vào lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, bất động sản (trừ những tập đoàn kinh tế, tổng công ty hoạt động trong những lĩnh vực này).

2. Quản lý danh mục đầu tư tại công ty mẹ nhằm bảo đảm điều kiện về đầu tư và cơ cấu ngành nghề quy định tại Điều 17 Nghị định này; theo dõi, giám sát danh mục đầu tư của công ty mẹ tại công ty con; theo dõi, giám sát ngành nghề kinh doanh của công ty con.

3. Cung cấp thông tin và báo cáo các nội dung quy định tại Điều 37, 38, 39 Nghị định này.

4. Thiết lập tổ chức cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty.

5. Báo cáo và chịu sự giám sát của cơ quan quản lý cạnh tranh về tập trung kinh tế trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty.

6. Thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp phù hợp với loại hình đã đăng ký và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

7. Xây dựng và thực hiện hệ thống đánh giá hiệu quả hoạt động áp dụng đối với người đại diện theo ủy quyền tại doanh nghiệp thành viên theo quy định của pháp luật.

8. Xây dựng và thực hiện chính sách nhân sự quản lý tại công ty mẹ và đối với người đại diện theo ủy quyền tại doanh nghiệp thành viên. Chính sách nhân sự quản lý phải bao gồm:

a) Các tiêu chuẩn về kinh nghiệm và trình độ quản lý;

b) Phương pháp và quy trình tuyển chọn (kể cả thi tuyển), bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo quản lý thuộc quyền của công ty mẹ; tuyển chọn, đề cử đề cấp có thẩm quyền lựa chọn, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo quản lý của công ty mẹ; tuyển chọn, đề cử để doanh nghiệp có vốn của công ty mẹ bầu vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên doanh nghiệp đó; tuyển chọn (kể cả thi tuyển), bổ nhiệm người đại diện vốn của công ty mẹ tại doanh nghiệp khác;

c) Hệ thống đánh giá hiệu quả quản lý áp dụng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt tại công ty mẹ, công ty con và người đại diện theo ủy quyền tại doanh nghiệp thành viên trong toàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty;

d) Nguyên tắc và phương pháp trả lương và thưởng có tính cạnh tranh;

đ) Các chế tài xử lý vi phạm.

9. Hướng dẫn công ty con để hình thành hệ thống điều hành, hạch toán thống nhất các quỹ tập trung.

Điều 16. Quản lý, điều hành trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty thông qua hình thức đầu tư, liên kết

Doanh nghiệp thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty có thể sử dụng các hình thức sau đây để bảo đảm tính liên kết giữa các doanh nghiệp thành viên trong quản lý, điều hành nội bộ tập đoàn kinh tế, tổng công ty:

1. Đầu tư, mua, bán sản phẩm, dịch vụ; hỗ trợ về công nghệ; phát triển thương hiệu giữa các doanh nghiệp thành viên với nhau.

2. Thỏa thuận về cơ chế tín dụng nội bộ tập đoàn kinh tế, tổng công ty; cơ chế bảo lãnh tín dụng; hình thành quỹ tập trung không trái với quy định pháp luật.

3. Tổ chức hội nghị hoặc các cuộc họp tham vấn:

a) Giữa người quản lý, điều hành tại công ty mẹ và người đại diện theo ủy quyền tại doanh nghiệp thành viên để định hướng, điều hòa, phối hợp các hoạt động quy định tại Khoản 3 Điều 14 Nghị định này và triển khai các nội dung của chiến lược, định hướng phát triển quan trọng của tập đoàn kinh tế, tổng công ty;

b) Giữa các bộ phận chức năng của công ty mẹ và của doanh nghiệp thành viên để triển khai các vấn đề chuyên môn.

4. Điều chuyển người đại diện theo ủy quyền là cán bộ lãnh đạo giữa các công ty con.

Điều 17. Quy định về hạn chế đầu tư và về ngành nghề kinh doanh trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty

1. Doanh nghiệp bị chi phối không được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp giữ quyền chi phối trong cùng một tập đoàn kinh tế, tổng công ty. Các doanh nghiệp bị chi phối trong cùng một tập đoàn kinh tế, tổng công ty không được góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau.

2. Việc đầu tư vốn ra ngoài của công ty mẹ hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu thực hiện theo quy định của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

3. Công ty mẹ, doanh nghiệp thành viên của tập đoàn kinh tế, tổng công ty đăng ký ngành nghề kinh doanh chính và ngành nghề có liên quan theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan chịu sự giám sát của chủ sở hữu về việc đầu tư, tỷ lệ vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư vào ngành nghề kinh doanh chính và ngành nghề có liên quan. Công ty mẹ, doanh nghiệp thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty không được kinh doanh những ngành nghề không liên quan.

Đại diện chủ sở hữu nhà nước phê duyệt hoặc giao cho người đại diện theo ủy quyền tại doanh nghiệp thực hiện quyền của cổ đông, thành viên chi phối để:

- Biểu quyết thông qua quyết định việc kinh doanh ngành nghề kinh doanh chính;
- Quyết định việc điều chỉnh hoặc thay đổi đối với ngành nghề kinh doanh chính;
- Giám sát việc kinh doanh các ngành nghề có liên quan.

Mục 2: CHỨC NĂNG, QUYỀN, NGHĨA VỤ, TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY MẸ LÀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DO NHÀ NƯỚC LÀM CHỦ SỞ HỮU

Điều 18. Chức năng, tổ chức quản lý, hoạt động của công ty mẹ

1. Công ty mẹ thực hiện chức năng trực tiếp sản xuất kinh doanh và đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác hoặc chỉ thực hiện chức năng đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác.

2. Tổ chức quản lý, hoạt động của công ty mẹ trong tập đoàn kinh tế và tổng công ty quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 99/2012/NĐ-CP thực hiện theo: Điều lệ do Chính phủ ban hành; Quy chế quản lý tài chính do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức quản lý, hoạt động của công ty mẹ trong các tổng công ty không được quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 99/2012/NĐ-CP thực hiện theo: Điều lệ do Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; Quy chế quản lý tài chính do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và pháp luật có liên quan.

Điều 19. Quyền, nghĩa vụ và cơ cấu tổ chức quản lý của công ty mẹ

1. Công ty mẹ thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

2. Công ty mẹ có cơ cấu tổ chức quản lý gồm Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên và bộ máy giúp việc. Nhiệm vụ, quyền hạn, cơ chế làm việc của Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các Điều 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26 và 27 của Nghị định này.

Thủ tướng Chính phủ quyết định cơ cấu tổ chức quản lý đối với công ty mẹ hoạt động trong các lĩnh vực đặc thù.

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật về lao động, tiền lương.

Điều 20. Quyền, trách nhiệm của Hội đồng thành viên

Hội đồng thành viên là đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại công ty mẹ, có các quyền, trách nhiệm quy định tại Điều 14 Nghị định số 99/2012/NĐ-CP.

Điều 21. Thành viên Hội đồng thành viên

1. Thành viên Hội đồng thành viên công ty mẹ bao gồm Chủ tịch, thành viên chuyên trách và không chuyên trách. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng thành viên không quá năm (05) năm, Thành viên Hội đồng thành viên có thể được bổ nhiệm lại.

2. Đối với công ty mẹ trong tập đoàn kinh tế và tổng công ty quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 99/2012/NĐ-CP, số lượng thành viên Hội đồng thành viên không quá bảy (07) người; trong đó có tối đa một (01) thành viên tham gia điều hành công ty mẹ. Trường hợp đặc biệt cần nhiều hơn bảy (07) thành viên Hội đồng thành viên thì Bộ trưởng Bộ quản lý ngành báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Đối với công ty mẹ trong các tổng công ty không được quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 99/2012/NĐ-CP, số lượng thành viên Hội đồng thành viên không quá năm (05) người; trong đó có tối đa một (01) thành viên tham gia điều hành công ty mẹ. Trường hợp đặc biệt cần nhiều hơn năm (05) thành viên Hội đồng thành viên thì Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận.

4. Thành viên Hội đồng thành viên công ty mẹ phải đáp ứng các tiêu chuẩn cơ bản sau đây:

a) Thường trú tại Việt Nam. Chủ tịch Hội đồng thành viên phải là công dân Việt Nam;

b) Tốt nghiệp đại học và có năng lực kinh doanh và quản lý doanh nghiệp. Chủ tịch Hội đồng thành viên phải có ít nhất ba (03) năm kinh nghiệm về quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành nghề kinh doanh chính của công ty mẹ;

c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;

d) Không là cán bộ lãnh đạo trong bộ máy nhà nước hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc các chức vụ quản lý, điều hành tại doanh nghiệp thành viên;

đ) Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định tại các Điểm b, c, đ, e, g Khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp;

e) Tiêu chuẩn khác quy định tại Điều lệ công ty mẹ.

5. Thành viên Hội đồng thành viên bị miễn nhiệm và được thay thế trong những trường hợp sau:

a) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các trường hợp bị miễn nhiệm, thay thế do Điều lệ công ty mẹ quy định; trong trường hợp này, Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên có quyền đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng thành viên;

b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao; bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Xin từ chức;

d) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;

đ) Không trung thực trong thực thi các quyền hạn hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác;

e) Khi công ty không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do chủ sở hữu giao mà không giải trình được nguyên nhân khách quan và được chủ sở hữu chấp nhận;

g) Các trường hợp khác theo quyết định của chủ sở hữu phù hợp với quy định tại Điều lệ công ty mẹ.

Điều 22. Chủ tịch Hội đồng thành viên và bộ máy giúp việc Hội đồng thành viên

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên không kiêm Tổng Giám đốc công ty mẹ. Điều lệ công ty mẹ quy định Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên thực hiện các quyền, nhiệm vụ quy định tại Khoản 2 Điều 49 Luật Doanh nghiệp và các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ công ty mẹ; có trách nhiệm giải trình và chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu về việc chậm trễ hoặc không ký các quyết định của Hội đồng thành viên.

3. Căn cứ vào yêu cầu, đặc thù của công ty mẹ và sau khi được sự chấp thuận của Bộ quản lý ngành, Hội đồng thành viên của công ty mẹ trong tập đoàn kinh tế có thể thành lập tổ tư vấn hoặc một số ban tư vấn sau do các thành viên Hội đồng thành viên làm Trưởng ban:

a) Ban Tài chính có nhiệm vụ giúp Hội đồng thành viên xác định các mục tiêu, chỉ tiêu tài chính dài hạn và trung hạn; các nguyên tắc, cơ chế quản lý tài chính thực hiện trong toàn tập đoàn kinh tế; thực hiện thẩm định các hợp đồng, dự án đầu tư và những vấn đề về tài chính khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên;

b) Ban Nhân sự, tiền lương, tiền thưởng có nhiệm vụ xây dựng các quy chế, tiêu chuẩn về tuyển chọn, sử dụng, quản lý nhân sự, lao động thực hiện trong toàn tập đoàn kinh tế; lựa chọn, đề cử nhân sự cao cấp; tiền công, thù lao, tiền thưởng của các cán bộ chủ chốt trong tập đoàn kinh tế và những vấn đề về nhân sự, tiền lương, tiền thưởng khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên;

c) Ban Kiểm toán, giám sát có nhiệm vụ thực hiện kiểm tra, giám sát các hoạt động huy động, sử dụng và phân phối các nguồn lực trong tập đoàn kinh tế; giám sát việc thực hiện trình tự kế toán và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng thành viên về kế toán, kiểm toán, tài chính;

d) Một số ban khác (nếu có).

Nguồn kinh phí hoạt động của các Ban quy định tại Khoản 3 Điều này được lấy từ doanh nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 23. Kiểm soát viên

Tiêu chuẩn, điều kiện, chế độ hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định tại Quy chế hoạt động của kiểm soát viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Điều 24. Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên phù hợp với Điều lệ công ty mẹ; chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

2. Tổng Giám đốc được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật theo quy định tại Nghị định số 99/2012/NĐ-CP và pháp luật có liên quan. Điều lệ công ty mẹ quy định cụ thể tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng Giám đốc. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm.

3. Tổng Giám đốc có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 70 Luật Doanh nghiệp và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây đối với doanh nghiệp thành viên:

a) Xây dựng phương án phối hợp kinh doanh giữa các doanh nghiệp thành viên trình Hội đồng thành viên; tổ chức thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh chung, kế hoạch đầu tư giữa các doanh nghiệp thành viên;

b) Kiểm tra các đơn vị thành viên thực hiện định mức, tiêu chuẩn, đơn giá quy định trong nội bộ tập đoàn kinh tế, tổng công ty;

c) Đề nghị Hội đồng thành viên quyết định cử người đại diện theo ủy quyền của công ty mẹ tại doanh nghiệp khác.

4. Tổng Giám đốc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 72 Luật Doanh nghiệp, các nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ công ty mẹ và hợp đồng đã ký.

5. Tổng Giám đốc được thay thế trong các trường hợp:

a) Tự nguyện xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo đúng trình tự pháp luật;

b) Khi có quyết định điều chuyển, nghỉ hưu hoặc được bố trí công việc khác;

c) Các trường hợp khác theo quy định tại Khoản 6 Điều này.

6. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn trong các trường hợp sau:

a) Để công ty mẹ không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu giao trong hai (02) năm liên tiếp hoặc ở trong tình trạng lỗ, lãi đan xen nhau nhưng không khắc phục được, trừ các trường hợp lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; lỗ theo kế hoạch do đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh, đổi mới công nghệ theo nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng thành viên; lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu có lý do khách quan được giải trình và đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;

b) Để công ty mẹ kinh doanh thua lỗ, có số lỗ phát sinh đến mức quy định tại Điều lệ công ty mẹ;

c) Công ty mẹ lâm vào tình trạng phá sản nhưng không nộp đơn yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản;

d) Không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do Hội đồng thành viên giao; vi phạm nhiều lần và có hệ thống nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, quy chế hoạt động của công ty mẹ;

đ) Không trung thực trong thực thi các quyền hạn hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính của công ty mẹ;

e) Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

g) Bị Tòa án kết án bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

Điều 25. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc

1. Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc điều hành công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

2. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng thành viên bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, mức lương và các lợi ích khác theo đề nghị của Tổng Giám đốc với nhiệm kỳ không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng.

3. Số lượng Phó Tổng Giám đốc không quá năm (05) người. Hội đồng thành viên quyết định cơ cấu, số lượng Phó Tổng Giám đốc theo quy mô và đặc điểm sản xuất, kinh doanh của công ty mẹ trong quá trình hoạt động. Trường hợp cần nhiều hơn năm (05) Phó Tổng Giám đốc, Hội đồng thành viên đề nghị Bộ quản lý ngành (đối với công ty mẹ trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 99/2012/NĐ-CP và tổng công ty thuộc Bộ), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với công ty mẹ trong tổng công ty thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận.

4. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của công ty; giúp Tổng Giám đốc giám sát tài chính và phát huy các nguồn lực tài chính tại công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; có quyền hạn, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Tiêu chuẩn đối với Kế toán trưởng theo quy định tại Luật Kế toán và các quy định của pháp luật.

5. Bộ máy giúp việc gồm Văn phòng và các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành công việc.

Điều 26. Mối quan hệ giữa Hội đồng thành viên với Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành

1. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, nếu phát hiện thấy vấn đề không có lợi cho công ty mẹ và toàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty thì Tổng Giám đốc báo cáo với Hội đồng thành viên xem xét, điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Hội đồng thành viên phải xem xét đề nghị của Tổng Giám đốc. Trường hợp Hội đồng thành viên không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng được quyền kiến nghị lên chủ sở hữu.

2. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc tháng, quý, năm, Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động và dự kiến phương hướng thực hiện trong kỳ tới của công ty mẹ cho Hội đồng thành viên.

3. Chủ tịch Hội đồng thành viên có quyền tham dự hoặc cử đại diện Hội đồng thành viên tham dự các cuộc họp giao ban, cuộc họp chuẩn bị các đề án trình Hội đồng thành viên do Tổng Giám đốc chủ trì. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người đại diện Hội đồng thành viên có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

4. Tổng Giám đốc được mời tham dự cuộc họp của Hội đồng thành viên và được quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết trừ trường hợp Tổng Giám đốc là thành viên Hội đồng thành viên.

Điều 27. Mối quan hệ giữa Kiểm soát viên với Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc

Mối quan hệ giữa Kiểm soát viên với Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc theo quy định tại Quy chế hoạt động của kiểm soát viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Mục 3: QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY MẸ VÀ CÁC DOANH NGHIỆP THAM GIA TẬP ĐOÀN KINH TẾ, TỔNG CÔNG TY

Điều 28. Quan hệ phối hợp chung trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty

Công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết tham gia tập đoàn kinh tế, tổng công ty thực hiện quan hệ phối hợp chung theo các cách như sau:

1. Xây dựng quy chế hoạt động chung trên cơ sở thỏa thuận của công ty mẹ và các doanh nghiệp tham gia tập đoàn kinh tế, tổng công ty.

2. Công ty mẹ căn cứ quyền hạn, trách nhiệm do pháp luật quy định làm đầu mối thực hiện một phần hoặc toàn bộ các nội dung phối hợp hoạt động chung dưới đây giữa các doanh nghiệp trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty:

- a) Phối hợp trong công tác kế hoạch và điều hành kế hoạch phối hợp kinh doanh;
- b) Định hướng phân công lĩnh vực hoạt động và ngành nghề sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thành viên tập đoàn kinh tế, tổng công ty;
- c) Tổ chức công tác tài chính, kế toán, thống kê;
- d) Hình thành, quản lý và sử dụng các quỹ tập trung của tập đoàn kinh tế, tổng công ty;
- đ) Quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản;
- e) Công tác lao động, tiền lương, y tế, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực;
- g) Công tác an toàn lao động, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường;
- h) Công tác ứng dụng khoa học, công nghệ;
- i) Đặt tên các đơn vị trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty; sử dụng tên, thương hiệu của tập đoàn kinh tế, tổng công ty;
- k) Thực hiện công tác hành chính, công tác đối ngoại của tập đoàn kinh tế, tổng công ty;
- l) Quản lý công tác thi đua khen thưởng, văn hóa, thể thao và các công tác xã hội;
- m) Các nội dung khác theo thỏa thuận của các doanh nghiệp thành viên tập đoàn kinh tế, tổng công ty.

Điều 29. Quan hệ giữa công ty mẹ và doanh nghiệp cấp II do công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ

1. Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị công ty mẹ thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu của công ty mẹ đối với doanh nghiệp cấp II do công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ của doanh nghiệp đó.

2. Trong quan hệ với doanh nghiệp cấp II do công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ, Tổng Giám đốc công ty mẹ có trách nhiệm:

- a) Tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định các hồ sơ do Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty cấp II báo cáo công ty mẹ để trình Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị xem xét, thông qua hoặc quyết định;

b) Tổ chức thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, giám sát Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty cấp II thực hiện các quyết định của Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị công ty mẹ đối với doanh nghiệp cấp II, bao gồm cả việc thực hiện kế hoạch phối hợp sản xuất kinh doanh.

3. Doanh nghiệp cấp II do công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ:

a) Được công ty mẹ giao thực hiện các hợp đồng sản xuất, kinh doanh trên cơ sở hợp đồng kinh tế; cung cấp thông tin và hưởng các dịch vụ và lợi ích từ hoạt động chung của tập đoàn kinh tế, tổng công ty theo quy định của Nghị định này, theo thỏa thuận với các doanh nghiệp thành viên tập đoàn kinh tế, tổng công ty và quy định pháp luật có liên quan;

b) Có nghĩa vụ thực hiện thỏa thuận chung của tập đoàn kinh tế, tổng công ty; các cam kết hợp đồng kinh tế với công ty mẹ và doanh nghiệp thành viên tập đoàn kinh tế, tổng công ty; triển khai thực hiện các quyết định hợp pháp thuộc thẩm quyền chủ sở hữu của công ty mẹ đối với doanh nghiệp; có trách nhiệm tham gia kế hoạch phối hợp kinh doanh với công ty mẹ và các doanh nghiệp thành viên tập đoàn kinh tế, tổng công ty.

Điều 30. Quan hệ giữa công ty mẹ và doanh nghiệp cấp II có cổ phần, vốn góp chi phối của công ty mẹ

1. Công ty mẹ có các quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh của doanh nghiệp cấp II theo quy định pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp đó. Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị công ty mẹ trực tiếp thực hiện các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh thông qua người đại diện theo ủy quyền tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ doanh nghiệp đó;

b) Cử, thay đổi, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, quyết định phụ cấp và lợi ích của người đại diện theo ủy quyền tại doanh nghiệp;

c) Yêu cầu người đại diện theo ủy quyền báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của doanh nghiệp;

d) Giao nhiệm vụ và yêu cầu người đại diện theo ủy quyền xin ý kiến về những vấn đề quan trọng trước khi biểu quyết tại doanh nghiệp; báo cáo việc sử dụng quyền của cổ đông, thành viên góp vốn chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của công ty mẹ và của toàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty;

đ) Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp của công ty mẹ ở doanh nghiệp;

e) Giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn đã góp vào doanh nghiệp;

g) Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào doanh nghiệp.

2. Trong quan hệ với doanh nghiệp cấp II do công ty mẹ nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối, Tổng Giám đốc công ty mẹ có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định các hồ sơ do người đại diện theo ủy quyền báo cáo Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị xem xét, thông qua hoặc quyết định;

b) Tổ chức thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, giám sát người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyết định của Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị công ty mẹ đối với doanh nghiệp cấp II;

c) Kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện kế hoạch phối hợp sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Doanh nghiệp cấp II do công ty mẹ giữ cổ phần, vốn góp chi phối có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và các quy định sau:

a) Có quyền tham gia kế hoạch phối hợp kinh doanh trên cơ sở hợp đồng kinh tế với công ty mẹ và các doanh nghiệp thành viên; được công ty mẹ giao thực hiện các hợp đồng sản xuất, kinh doanh trên cơ sở hợp đồng kinh tế với công ty mẹ; được công ty mẹ cung cấp thông tin và hưởng các dịch vụ và lợi ích từ hoạt động chung của tập đoàn kinh tế, tổng công ty theo quy định của Nghị định này, thỏa thuận với các doanh nghiệp thành viên và quy định pháp luật có liên quan;

b) Có nghĩa vụ thực hiện thỏa thuận chung của tập đoàn kinh tế, tổng công ty; các cam kết hợp đồng kinh tế với công ty mẹ và doanh nghiệp thành viên; triển khai thực hiện các quyết định hợp pháp của công ty mẹ với tư cách thực hiện quyền chi phối đối với doanh nghiệp.

Điều 31. Quan hệ giữa công ty mẹ và công ty liên kết

1. Công ty mẹ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đối với công ty liên kết theo quy định của pháp luật, theo Điều lệ công ty liên kết và thỏa thuận liên kết.

2. Công ty mẹ quan hệ với công ty liên kết thông qua các hợp đồng thỏa thuận về thương hiệu, thị trường, công nghệ, nghiên cứu, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và các thỏa thuận khác.

Điều 32. Đơn vị trực thuộc của công ty mẹ

Đơn vị trực thuộc của công ty mẹ (bao gồm đơn vị hạch toán phụ thuộc và đơn vị sự nghiệp) thực hiện chế độ phân cấp hoạt động kinh doanh, hạch toán, tổ chức và nhân sự của công ty mẹ theo quy định tại Quy chế tổ chức hoạt động của đơn vị trực thuộc do Tổng Giám đốc công ty mẹ xây dựng và trình Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị phê duyệt. Công ty mẹ chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của đơn vị trực thuộc.

Mục 4: CHỨC NĂNG, QUYỀN, NGHĨA VỤ, TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY MẸ LÀ DOANH NGHIỆP CÓ CỔ PHẦN, VỐN GÓP CHI PHỐI CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 33. Chức năng, tổ chức quản lý, hoạt động của công ty mẹ

1. Công ty mẹ thực hiện chức năng trực tiếp sản xuất kinh doanh và đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác hoặc chỉ thực hiện đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác.

2. Tổ chức quản lý, hoạt động của công ty mẹ theo Điều lệ công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua (đối với công ty mẹ là công ty cổ phần có cổ phần chi phối của Nhà nước) hoặc do Hội đồng thành viên thông qua (đối với công ty mẹ là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp chi phối của Nhà nước).

Điều 34. Quyền, nghĩa vụ, cơ cấu tổ chức quản lý của công ty mẹ, quản lý, điều hành và quan hệ trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty

1. Công ty mẹ có quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

2. Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty mẹ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan tương ứng với hình thức công ty mẹ là công ty cổ phần hoặc công ty mẹ là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

3. Việc quản lý, điều hành của tập đoàn kinh tế, tổng công ty theo quy định tại Mục 1 Chương III Nghị định này. Quan hệ giữa công ty mẹ và các doanh nghiệp tham gia tập đoàn kinh tế, tổng công ty theo quy định tại Mục 3 Chương III Nghị định này.

Chương IV

QUẢN LÝ, GIÁM SÁT ĐỐI VỚI TẬP ĐOÀN KINH TẾ, TỔNG CÔNG TY

Điều 35. Chủ sở hữu và đại diện chủ sở hữu nhà nước tại công ty mẹ

1. Chính phủ thống nhất thực hiện chức năng chủ sở hữu nhà nước tại công ty mẹ hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và phần vốn nhà nước tại công ty mẹ hoạt động dưới hình thức là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

Việc phân công, phân cấp thực hiện chức năng chủ sở hữu nhà nước tại công ty mẹ trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty theo quy định tại Nghị định số 99/2012/NĐ-CP.

2. Những cơ quan, tổ chức và cá nhân sau được cử làm đại diện chủ sở hữu nhà nước tại công ty mẹ:

a) Đối với công ty mẹ trong tập đoàn kinh tế hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu: Thủ tướng Chính phủ, Bộ quản lý ngành và người được cử làm thành viên Hội đồng thành viên công ty mẹ;

b) Đối với công ty mẹ trong tập đoàn kinh tế hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mà Nhà nước nắm quyền chi phối: Thủ tướng Chính phủ, Bộ quản lý ngành và người được ủy quyền thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn tại công ty mẹ;

c) Đối với công ty mẹ trong tổng công ty hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu: Bộ quản lý ngành hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và người được ủy quyền thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ chủ sở hữu nhà nước tại công ty mẹ;

d) Đối với công ty mẹ trong tổng công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên do Nhà nước nắm quyền chi phối: Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước và người ủy quyền thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn tại công ty mẹ.

Điều 36. Quản lý của chủ sở hữu nhà nước đối với tập đoàn kinh tế, tổng công ty

1. Chủ sở hữu nhà nước thực hiện quản lý đối với tập đoàn kinh tế, tổng công ty thông qua công ty mẹ trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty.

2. Quản lý của chủ sở hữu nhà nước đối với công ty mẹ trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty thông qua việc ban hành các quyết định, phân công, phân cấp, ủy quyền ban hành các quyết định và kiểm tra, thực hiện các quyết định của chủ sở hữu tại công ty mẹ trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty theo quy định tại Nghị định số 99/2012/NĐ-CP.

Điều 37. Giám sát của chủ sở hữu nhà nước đối với tập đoàn kinh tế, tổng công ty

1. Nguyên tắc giám sát của chủ sở hữu đối với tập đoàn kinh tế, tổng công ty là thông qua giám sát công ty mẹ trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty.

2. Nội dung giám sát gồm:

a) Giám sát hoạt động kinh doanh, bao gồm: Mục tiêu, phương hướng, chiến lược kinh doanh của tập đoàn kinh tế, tổng công ty; Danh mục đầu tư, các ngành nghề kinh doanh chính, những ngành nghề có liên quan; đầu tư vào lĩnh vực, ngành nghề, địa bàn, dự án có nguy cơ rủi ro; nhiệm vụ hoạt động công ích, hỗ trợ điều tiết vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội; Chiến lược phát triển, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính, kế hoạch sản xuất, kinh doanh của công ty mẹ; kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ do chủ sở hữu giao;

b) Giám sát công tác tổ chức và cán bộ, bao gồm: Việc thực hiện các quyết định của chủ sở hữu về thành lập, tổ chức lại, chấm dứt hoạt động dưới hình thức tập đoàn kinh tế, tổng công ty;

quá trình thay đổi cơ cấu sở hữu của công ty con làm mất quyền chi phối của công ty mẹ; việc thực hiện Điều lệ công ty mẹ; việc đánh giá kết quả hoạt động và thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng đối với Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc công ty mẹ; việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm của Hội đồng thành viên đối với các chức danh Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng công ty mẹ; việc thực hiện chế độ, chính sách với người lao động; việc chấp hành các quyết định khác của chủ sở hữu và các quy định có liên quan tại Điều lệ;

c) Giám sát về tài chính: Việc bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu tại công ty mẹ; tình hình và kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh; tình hình huy động và sử dụng vốn huy động; tình hình phát hành trái phiếu, cổ phiếu (nếu có); tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước; tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu; tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản; lợi nhuận hay cổ tức được chia cho Nhà nước; tình hình đầu tư tại doanh nghiệp và đầu tư ra ngoài doanh nghiệp; tình hình công nợ và khả năng thanh toán nợ; hiệu quả đầu tư và kinh doanh; chi phí tiền lương; vốn điều lệ, điều chỉnh vốn điều lệ, thay đổi cơ cấu vốn điều lệ; các dự án đầu tư vượt mức phân cấp cho Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị công ty mẹ và các chỉ tiêu tài chính cần thiết khác.

3. Phân công, phân cấp thực hiện nội dung giám sát quy định tại Khoản 2 Điều này đối với tập đoàn kinh tế, tổng công ty có công ty mẹ hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu:

a) Bộ quản lý ngành thực hiện giám sát đối với công ty mẹ trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 99/2012/NĐ-CP và tổng công ty thuộc Bộ về các nội dung: Ngành nghề kinh doanh chính và ngành nghề có liên quan; đánh giá về cơ cấu ngành nghề chính và ngành nghề có liên quan; việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn; giám sát, kiểm tra, đánh giá các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; việc thực hiện chế độ tuyển dụng, tiền lương, tiền thưởng; đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, ngành, nghề kinh doanh được giao và kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh; đánh giá đối với Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong quản lý, điều hành;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện giám sát đối với các tổng công ty thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về các nội dung: Ngành nghề kinh doanh chính và ngành nghề có liên quan; đánh giá về cơ cấu ngành nghề chính và ngành nghề có liên quan; việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn; giám sát, kiểm tra, đánh giá các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; việc thực hiện chế độ tuyển dụng, tiền lương, tiền thưởng; đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, ngành nghề kinh doanh được giao và kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh; đánh giá đối với Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong quản lý, điều hành;

c) Bộ Tài chính thực hiện giám sát, đánh giá hoạt động tài chính; giám sát việc phát hành cổ phiếu, điều chỉnh vốn điều lệ của công ty mẹ và các doanh nghiệp thành viên; chi phí tiền lương; giám sát việc vay vốn đầu tư vào lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bất động sản, chứng khoán; giám sát việc chuyển dịch vốn, đầu tư và các nguồn lực bên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty và giữa trong và ngoài tập đoàn kinh tế, tổng công ty; theo dõi báo cáo tài chính hợp nhất của tập đoàn kinh tế, tổng công ty; định kỳ hằng năm, tổng hợp, báo cáo Chính phủ về hiệu quả sản xuất kinh doanh và thực hiện nhiệm vụ công ích được giao, tình hình tài chính; tình hình

công nợ và nghĩa vụ tài sản khác của tập đoàn kinh tế, tổng công ty trên phạm vi toàn quốc; chủ trì, phối hợp với Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra theo quy định về quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn;

d) Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, giám sát việc triển khai đề án thành lập tập đoàn kinh tế, tổng công ty; giám sát và đánh giá việc thực hiện chiến lược phát triển của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty; định kỳ tổng hợp, báo cáo Chính phủ việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh của tất cả tập đoàn kinh tế, tổng công ty trên phạm vi toàn quốc; chủ trì, phối hợp với Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện giám sát, kiểm tra định kỳ hàng năm việc thực hiện chiến lược, kế hoạch sản xuất, kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm (năm); có ý kiến với Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc tiếp nhận công ty con, công ty liên kết của tập đoàn kinh tế, tổng công ty;

đ) Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện giám sát, kiểm tra việc chấp hành quy định của Đảng và Nhà nước về công tác cán bộ tại tập đoàn kinh tế, tổng công ty;

e) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện giám sát, kiểm tra định kỳ việc thực hiện chế độ tuyển dụng, tiền lương, tiền thưởng của tập đoàn kinh tế, tổng công ty.

4. Phân công, phân cấp thực hiện nội dung giám sát quy định tại Khoản 2 Điều này đối với tập đoàn kinh tế, tổng công ty có công ty mẹ hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước:

a) Bộ quản lý ngành yêu cầu người đại diện theo ủy quyền báo cáo tình hình thực hiện việc chấp hành pháp luật; việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, ngành nghề kinh doanh được giao và kết quả, hiệu quả hoạt động của công ty mẹ và toàn bộ tập đoàn kinh tế có ngành, lĩnh vực kinh doanh chính thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý, công ty mẹ và toàn tổng công ty thuộc Bộ;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh yêu cầu người đại diện theo ủy quyền báo cáo tình hình thực hiện việc chấp hành pháp luật; việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, ngành, nghề kinh doanh được giao và kết quả, hiệu quả hoạt động của công ty mẹ và toàn tổng công ty thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh yêu cầu người đại diện theo ủy quyền báo cáo tình hình thực hiện quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp trong phạm vi cả nước;

d) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh yêu cầu người đại diện theo ủy quyền báo cáo tình hình thực hiện chiến lược, kế hoạch sản xuất, kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển năm (05) năm;

đ) Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh yêu cầu người đại diện theo ủy quyền báo cáo tình hình thực hiện việc chấp hành quy định của Đảng và Nhà nước về công tác cán bộ tại tập đoàn kinh tế, tổng công ty;

e) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh yêu cầu người đại diện theo ủy quyền báo cáo việc thực hiện chế độ tuyển dụng, tiền lương, tiền thưởng của tập đoàn kinh tế, tổng công ty.

5. Định kỳ hằng năm, các Bộ, cơ quan, tổ chức quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này báo cáo và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về thực trạng và kết quả giám sát, đánh giá; đồng thời sao gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện tổng hợp chung và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả giám sát của chủ sở hữu quy định tại Điều này trên phạm vi toàn quốc.

Điều 38. Phương thức và căn cứ quản lý, giám sát đối với tập đoàn kinh tế, tổng công ty

1. Việc giám sát đối với tập đoàn kinh tế, tổng công ty được thực hiện theo các phương thức sau:

a) Phương thức trực tiếp:

- Thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá của các cơ quan quy định tại Khoản 3 Điều 37 Nghị định này.

- Thông qua đánh giá của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với kết quả hoạt động của tập đoàn kinh tế, tổng công ty và chức danh do các cơ quan này bổ nhiệm, ký hợp đồng.

Cơ quan đại diện chủ sở hữu thành lập Hội đồng Tư vấn đánh giá hoạt động doanh nghiệp nhà nước, bao gồm các chuyên gia thuộc các cơ quan nhà nước, viện, trường đại học có kiến thức sâu rộng về ngành, lĩnh vực hoạt động của tập đoàn kinh tế, tổng công ty để tư vấn đánh giá trước khi ra quyết định nhằm bảo đảm tính khách quan trong đánh giá các tập đoàn kinh tế, tổng công ty và các chức danh thuộc diện quản lý. Cơ quan đại diện chủ sở hữu quy định quy chế làm việc của Hội đồng Tư vấn đánh giá hoạt động doanh nghiệp nhà nước.

- Thông qua thực hiện kiểm toán tại công ty mẹ và các công ty con, công ty liên kết.

- Thông qua việc cơ quan đại diện chủ sở hữu yêu cầu Hội đồng thành viên hoặc người đại diện theo ủy quyền báo cáo trực tiếp.

b) Phương thức gián tiếp:

- Thông qua chế độ báo cáo của Hội đồng thành viên hoặc người đại diện theo ủy quyền tại công ty mẹ.

- Thông qua thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất của công ty mẹ.

2. Căn cứ giám sát đối với tập đoàn kinh tế, tổng công ty:

a) Các quy định của chủ sở hữu và cơ quan quản lý nhà nước có liên quan;

b) Điều lệ tổ chức và hoạt động và Quy chế quản lý tài chính của công ty mẹ;

c) Kế hoạch và kết quả sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển; hệ thống các chỉ tiêu đánh giá, xếp hạng hằng năm đối với tập đoàn kinh tế, tổng công ty; hệ thống các chỉ tiêu đánh giá hoạt động của Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của công ty mẹ theo quy định của Chính phủ;

d) Báo cáo tài chính năm của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất toàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty đã được kiểm toán và được Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị thông qua; báo cáo tài chính quý, báo cáo nghiệp vụ định kỳ và các báo cáo đột xuất khác theo yêu cầu của chủ sở hữu;

đ) Kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán tại doanh nghiệp của các cơ quan chức năng;

e) Các thông tin, tài liệu có liên quan khác theo quy định của pháp luật.

3. Kết quả giám sát, đánh giá là cơ sở để quyết định mức lương, thưởng, bổ nhiệm hoặc bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, ký tiếp hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, xử lý trách nhiệm đối với Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng công ty mẹ.

Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng công ty mẹ có hành vi vi phạm hoặc gây thiệt hại đến lợi ích của công ty mẹ hoặc toàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty, chủ sở hữu, thành viên, cổ đông, chủ nợ của doanh nghiệp hoặc người khác thì tùy theo mức độ và tính chất mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự và phải bồi thường (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Cơ chế công khai, minh bạch thông tin đối với tập đoàn kinh tế, tổng công ty

1. Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty phải thực hiện việc công khai, minh bạch các thông tin chủ yếu liên quan đến hoạt động của mình theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp liên quan đến công khai, minh bạch thông tin. Các nội dung thông tin cần công khai, minh bạch bao gồm:

a) Đối với công ty mẹ trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty: Thực hiện công khai thông tin theo quy định tại Chương IV Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước ban hành kèm theo Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ và các thông tin sau:

- Các nhiệm vụ chủ sở hữu nhà nước giao dưới các hình thức khác nhau.
- Thông tin chi tiết về cơ cấu sở hữu và tài sản.
- Danh mục các dự án đầu tư, hình thức đầu tư, tổng ngân sách đầu tư và tiến độ thực hiện các dự án đầu tư hiện hành.
- Các giao dịch, khoản vay, cho vay quy mô lớn.

b) Đối với toàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty:

- Báo cáo tài chính sáu (06) tháng hợp nhất. Báo cáo tài chính năm hợp nhất của toàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty đã được kiểm toán.
- Cơ cấu, hoạt động, thay đổi vốn sở hữu tại các công ty; về bộ máy quản lý của công ty mẹ và các công ty con.
- Báo cáo thường niên của toàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty.
- Báo cáo tình hình quản trị toàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty sáu (06) tháng và năm.

2. Tập đoàn kinh tế, tổng công ty thực hiện báo cáo theo định kỳ và báo cáo đột xuất cho cơ quan đại diện chủ sở hữu, bao gồm:

- Quá trình sử dụng vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác tại công ty mẹ và toàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty.
- Quá trình tổ chức thực hiện và kết quả thực hiện chiến lược, kế hoạch dài hạn của công ty mẹ; quyết định kế hoạch hằng năm của công ty mẹ mà chủ sở hữu đã thông qua; quyết định chiến lược, kế hoạch dài hạn, ngành, nghề kinh doanh của các công ty con do công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ.
- Quá trình và kết quả thực hiện các dự án đầu tư nằm trong quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn của tập đoàn kinh tế, tổng công ty đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
- Quá trình và kết quả thực hiện phương án tổ chức quản lý, tổ chức kinh doanh, biên chế và sử dụng bộ máy quản lý, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quy hoạch, đào tạo lao động, thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty mẹ.
- Quá trình thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận; quyết định mức lương của Tổng Giám đốc.
- Kết quả sau khi sử dụng lợi nhuận sau thuế hoặc xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh.

- Quá trình và kết quả các hoạt động kiểm tra, giám sát Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ.

- Các nội dung báo cáo khác mà một doanh nghiệp phải báo cáo cho chủ sở hữu quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Phương tiện và hình thức công bố thông tin gồm: Báo cáo thường niên, Báo cáo quản trị công ty, công khai trên Trang tin điện tử của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty. Các nội dung thông tin công khai, minh bạch tại Khoản 1 Điều này sau khi được chủ sở hữu phê duyệt phải được đăng trên Trang thông tin điện tử doanh nghiệp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (www.business.gov.vn) trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày được phê duyệt. Mẫu báo cáo thông tin công khai theo quy định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4. Loại thông tin công bố và thời gian công bố thông tin:

a) Báo cáo tài chính năm, bao gồm Báo cáo tài chính năm của công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất toàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty.

Thời hạn công bố thông tin Báo cáo tài chính năm không quá chín mươi (90) ngày sau khi kết thúc năm tài chính;

b) Báo cáo thường niên: Thời hạn công bố thông tin Báo cáo thường niên không quá hai mươi (20) ngày kể từ ngày công bố thông tin Báo cáo tài chính năm;

c) Báo cáo tình hình quản trị công ty: Định kỳ sáu (06) tháng và năm, công ty mẹ thực hiện công bố thông tin về tình hình quản trị công ty mẹ và toàn tập đoàn kinh tế, tổng công ty. Thời hạn báo cáo và công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị doanh nghiệp sáu (06) tháng và năm chậm nhất là ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo;

d) Các thông tin đột xuất và các thông tin khác theo quy định của pháp luật.

5. Đối với tập đoàn kinh tế, tổng công ty có công ty mẹ hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, ngoài thực hiện quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, thực hiện công bố thông tin theo hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Tập đoàn kinh tế, tổng công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và nhất quán của thông tin công bố.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2014 và thay thế Nghị định số 101/2009/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ thí điểm thành lập tập đoàn kinh tế nhà nước; Nghị định số 111/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức, quản lý tổng công ty nhà nước và chuyển đổi tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập, công ty mẹ là công ty nhà nước theo hình thức công ty mẹ - công ty con hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

2. Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty thành lập trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành:

a) Đáp ứng các tiêu chí thành lập tập đoàn kinh tế, tổng công ty trừ tiêu chí về vốn điều lệ quy định tại Điều 9 Nghị định này, trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành phải bổ sung đủ số vốn điều lệ theo quy định của Nghị định này. Trường hợp không được bổ sung vốn điều lệ, sau thời hạn trên sẽ phải thực hiện ngay việc chuyển đổi thành tổng công ty hoặc nhóm công ty tương ứng với các điều kiện thực tế của doanh nghiệp;

b) Không đáp ứng các điều kiện thành lập quy định tại Nghị định này, sẽ phải tiến hành chuyển đổi thành tổng công ty hoặc nhóm công ty tương ứng với các điều kiện thực tế của doanh nghiệp trong thời hạn hai (02) năm kể từ ngày Nghị định có hiệu lực thi hành;

c) Có nhiều hơn ba (03) cấp doanh nghiệp thì trong thời hạn hai (02) năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành phải tổ chức lại, sắp xếp các công ty con của doanh nghiệp cấp III hiện có. Cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm theo dõi, giám sát quá trình tổ chức lại, sắp xếp của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty này.

3. Các công ty mẹ trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty có số lượng Kiểm soát viên, thành viên Hội đồng thành viên, Phó Tổng Giám đốc chưa phù hợp với quy định tại Nghị định này thì phải tiến hành bổ sung hoặc điều chuyển trong thời hạn một (01) năm kể từ ngày Nghị định có hiệu lực thi hành.

4. Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định này có thể vận dụng các quy định có liên quan của Nghị định này để tổ chức và hoạt động.

Điều 41. Trách nhiệm tổ chức thực hiện và thi hành

1. Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm theo dõi thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với tập đoàn kinh tế, tổng công ty trong các lĩnh vực được pháp luật quy định.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc tập đoàn kinh tế, tổng công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, ĐMDN (3b).

Nguyễn Tấn Dũng